

*
Số -TB/HVCTQG

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

THÔNG BÁO
về việc tổ chức Lễ trao bằng tốt nghiệp thạc sĩ, tiến sĩ đợt 1 năm 2026

Thực hiện Kế hoạch bế giảng và trao bằng tốt nghiệp được Giám đốc Học viện phê duyệt, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh thông báo tổ chức Lễ trao bằng tốt nghiệp thạc sĩ, tiến sĩ đợt 1 năm 2026.

- **Thời gian:** 15h 00 ngày 30/6/2026 (Thứ Ba)

- **Địa điểm:** Học viên học tại Học viện Trung tâm dự tại Hội trường số 1, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, số 135 đường Nguyễn Phong Sắc, phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội. Học viên học tại các Học viện khu vực dự trao bằng thạc sĩ tại Học viện Chính trị khu vực II và Học viện Chính trị khu vực IV.

- **Trang phục:** Nam mặc áo sơ mi trắng dài tay, thắt caravat, quần sẫm màu; Nữ mặc quần áo dài truyền thống.

Học viên làm thủ tục, ký sổ nhận bằng tốt nghiệp thạc sĩ, tiến sĩ từ 13h 30' đến 14h 45' và dự Lễ trao bằng tốt nghiệp vào hồi 15h 00' ngày 30/6/2026.

Lưu ý: Học viên đến nhận bằng tốt nghiệp mang theo căn cước/căn cước công dân/chứng minh nhân dân. Học viên không đến dự lễ trao bằng tốt nghiệp có thể ủy quyền cho người khác nhận bằng. Giấy ủy quyền phải có xác nhận của chính quyền địa phương hoặc văn phòng công chứng kèm theo căn cước công dân/chứng minh nhân dân photo của người được ủy quyền.

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc HV,
- Giám đốc HV khu vực II,
- Giám đốc HV khu vực IV,
- Văn phòng Học viện,
- Các Viện chuyên ngành,
- Lưu: VT, QLĐTBD.

T/L GIÁM ĐỐC
VỤ TRƯỞNG VỤ QUẢN LÝ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

Đậu Tuấn Nam

**DANH SÁCH HỌC VIÊN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG THẠC SĨ
ĐỢT 1 NĂM 2026**

*(kèm theo Thông báo số -QĐ/HVCTQG ngày tháng năm 2026
của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh)*

TT	Họ	Tên	Giới tính	Năm sinh/ Nơi sinh	Ngành đào tạo
1	Chu Thị Vân	Anh	Nữ	25/01/1992 Hà Nội	Quản lý nhà nước
2	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	04/6/1984 Thanh Hóa	Quản lý nhà nước
3	KHAMLA SENGKHAM		Nam	21/7/1978 CHDCND Lào	Quan hệ quốc tế
4	Nguyễn Việt	Anh	Nam	02/4/2001 Hải Phòng	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật
5	Nguyễn Thị Thùy	Dung	Nữ	04/02/1985 Phú Thọ	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật
6	Cù Thị Hồng	Duyên	Nữ	10/11/1982 Phú Thọ	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật
7	Nguyễn Thùy	Dương	Nữ	13/11/2001 Hà Nội	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật
8	Đào Xuân	Giang	Nam	30/12/1992 Hải Phòng	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật
9	Triệu Ngọc	Hải	Nam	13/2/1977 Hà Nội	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật
10	Nguyễn Trung	Hiếu	Nam	22/4/1990 Thanh Hóa	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật
11	Nguyễn Văn	Hội	Nam	30/6/1979 Hà Nội	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật
12	Ngô Thị	Hồng	Nữ	25/8/1989 Phú Thọ	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật
13	Trần	Kiên	Nam	03/02/1973 Hà Nội	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật
14	Hoàng Thị Thúy	Loan	Nữ	29/4/1991 Thái Nguyên	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật
15	Hoàng Ngọc	Long	Nam	01/8/2000 Tuyên Quang	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật
16	Lương Thị	Thủy	Nữ	08/8/1988 Cao Bằng	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật
17	Bùi Thu	Trang	Nữ	22/12/1999 Phú Thọ	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật
18	Hoàng Ngọc	Vinh	Nam	27/02/1981 Phú Thọ	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật
19	Nguyễn Thị Thùy	Dương	Nữ	22/8/1982 Tuyên Quang	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
20	Đinh Thị	Hải	Nữ	30/8/1993 Hưng Yên	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
21	Đàm Ngọc	Hân	Nữ	25/12/1990 Cao Bằng	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước

TT	Họ	Tên	Giới tính	Năm sinh/ Nơi sinh	Ngành đào tạo
22	Huỳnh Thị Thu	Hiền	Nữ	05/4/1992 Quảng Ngãi	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
23	Nguyễn Thị Như	Hoa	Nữ	20/10/1985 Phú Thọ	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
24	Đàm Thị Thùy	Linh	Nữ	20/01/1986 Cao Bằng	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
25	Nông Thị	Linh	Nữ	21/5/1991 Cao Bằng	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
26	Nguyễn Hà	Linh	Nữ	09/5/1988 Tuyên Quang	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
27	Bùi Đức	Minh	Nam	25/12/1987 Phú Thọ	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
28	Nông Vĩnh	Nam	Nam	09/9/1987 Cao Bằng	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
29	Đình Thúy	Nga	Nữ	30/6/1984 Tuyên Quang	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
30	Bùi Chính	Nghĩa	Nam	17/6/1997 Phú Thọ	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
31	Mạc Thị Thảo	Nguyên	Nữ	11/4/1985 Hải Phòng	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
32	Vi Thị Thanh	Vân	Nữ	15/4/1980 Bắc Ninh	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
33	Đỗ Đức	Anh	Nam	20/12/1992 Hưng Yên	Pháp luật về quyền con người
34	Phùng Thị	Hoàn	Nữ	19/3/1986 Hà Nội	Pháp luật về quyền con người
35	Trần Thị	Huyền	Nữ	23/9/1991 Ninh Bình	Pháp luật về quyền con người
36	Trần Thị	Khanh	Nữ	23/12/1979 Ninh Bình	Pháp luật về quyền con người
37	Phạm Sỹ	Long	Nam	05/12/1990 Thanh Hóa	Pháp luật về quyền con người
38	Trần Bích	Phương	Nữ	30/6/1998 Lào Cai	Pháp luật về quyền con người
39	Lê Thị Cẩm	Hường	Nữ	16/8/1985 Vĩnh Long	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật
40	Lê Cẩm	Huỳnh	Nữ	15/11/1988 Cần Thơ	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật
41	Nguyễn Thị	Mai	Nữ	08/12/1984 Vĩnh Long	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật
42	Huỳnh Văn	Phúc	Nam	17/5/1984 Vĩnh Long	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật
43	Lê Thị Trúc	Phương	Nữ	13/4/1985 An Giang	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật
44	Nguyễn Minh	Quang	Nam	16/6/1985 Cần Thơ	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật

TT	Họ	Tên	Giới tính	Năm sinh/ Nơi sinh	Ngành đào tạo
45	Ngô Hoàng	Thân	Nam	31/5/1989 An Giang	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật
46	Nguyễn Nhật	Thuần	Nam	28/02/1986 Vĩnh Long	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật
47	Bùi Thu	An	Nữ	08/12/1987 Cần Thơ	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
48	Thạch Thanh	Cang	Nam	20/4/1984 Cần Thơ	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
49	Nguyễn Văn	Cảnh	Nam	19/5/1992 Cần Thơ	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
50	Lê Minh	Chí	Nam	29/4/1984 Cần Thơ	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
51	Lý Hùng	Cường	Nam	17/11/1994 Cần Thơ	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
52	Phù Chí	Dân	Nam	18/5/1985 An Giang	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
53	Phạm Thị	Diễm	Nữ	25/8/1987 An Giang	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
54	Son	Dỏi	Nam	05/3/1985 Cần Thơ	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
55	Lâm Thị Mỹ	Duyên	Nữ	16/10/1990 Cần Thơ	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
56	Phạm Văn	Gái	Nam	22/4/1981 Cần Thơ	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
57	Lý Thị Hồng	Gám	Nữ	26/6/1983 Cần Thơ	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
58	Nguyễn Kim	Hân	Nữ	20/9/1987 Cà Mau	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
59	Trần Thị Thúy	Hằng	Nữ	19/8/1978 Cần Thơ	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
60	Mai Thị	Hiêm	Nữ	28/2/1991 Cần Thơ	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
61	Lý Thị Mỹ	Hiền	Nữ	01/01/1985 Cần Thơ	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
62	Nguyễn Tấn	Hiệp	Nam	17/4/1991 Cần Thơ	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
63	Ngô Thành	Kiếp	Nam	09/7/1983 Cần Thơ	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
64	Thạch Thị Kim	Lê	Nữ	23/5/1986 Cần Thơ	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
65	Trần Thị Diệu	Linh	Nữ	09/3/1996 An Giang	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
66	Võ Minh	Luân	Nam	10/01/1975 Cần Thơ	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
67	Lê Thị Chúc	Ly	Nữ	17/7/1981 Cần Thơ	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước

TT	Họ	Tên	Giới tính	Năm sinh/ Nơi sinh	Ngành đào tạo
68	Dương Tuệ	Minh	Nữ	21/4/2001 Cà Mau	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
69	Trần Văn	Mung	Nam	05/7/1978 Cần Thơ	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
70	Lê Thị	Mười	Nữ	19/5/1976 Cần Thơ	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
71	Dương Hải	Nam	Nam	06/5/1981 Cần Thơ	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
72	Quách Diệu	Ngân	Nữ	05/4/1995 Cần Thơ	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
73	Nguyễn Thanh	Ngộ	Nam	15/9/1977 Cần Thơ	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
74	Phạm Thị	Ngoan	Nữ	02/3/1990 An Giang	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
75	Trần Thị Kim	Ngọc	Nữ	20/3/1984 An Giang	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
76	Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	26/6/1981 Cần Thơ	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
77	Lê Kim	Nguyên	Nữ	15/12/1988 Cà Mau	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
78	Triệu Đạt Quý	Nguyên	Nữ	12/4/1989 Cần Thơ	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
79	Huỳnh Chí	Nhân	Nam	16/11/1988 Cần Thơ	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
80	Trần Nhuận Hà	Nhanh	Nam	21/3/1986 Cần Thơ	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
81	Lê Quang	Nhật	Nam	17/02/1988 Cần Thơ	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
82	Lâm Thị Mỹ	Nhi	Nữ	08/6/1992 Cần Thơ	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
83	Bùi Thị Mỹ	Nữ	Nữ	08/10/1987 Cần Thơ	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
84	Trần Thanh	Phong	Nam	10/10/1986 An Giang	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
85	Nguyễn Văn	Phương	Nam	12/12/1984 An Giang	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
86	Nguyễn Thị Kim	Phượng	Nữ	13/9/1983 Cần Thơ	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
87	Phan Minh	Quang	Nam	05/7/1984 Cần Thơ	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
88	Lê Thị Diễm	Quỳnh	Nữ	03/02/2000 Cần Thơ	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
89	Trà Văn	Sóc	Nam	27/3/1981 Cần Thơ	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
90	Chung Bảo	Son	Nam	01/01/1997 Cần Thơ	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước

TT	Họ	Tên	Giới tính	Năm sinh/ Nơi sinh	Ngành đào tạo
91	Nguyễn Thị Ánh	Sương	Nữ	19/6/1984 Cần Thơ	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
92	Thạch Quốc	Thái	Nam	01/10/1981 Cần Thơ	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
93	Trần Quốc	Thái	Nam	18/02/1987 Cần Thơ	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
94	Lý Thị Vũ	Thư	Nữ	08/9/1985 Cần Thơ	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
95	Đoàn Thanh	Thúy	Nữ	24/01/1984 An Giang	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
96	Nguyễn Minh	Tiến	Nam	05/11/1989 Vĩnh Long	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
97	Phạm Thị Ngọc	Trân	Nữ	19/7/1997 Cần Thơ	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
98	Phan Thị	Trang	Nữ	01/01/1990 Cần Thơ	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
99	Nguyễn Ngọc Huyền	Trang	Nữ	02/9/1990 Cần Thơ	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
100	Bùi Hữu	Trí	Nam	02/02/1988 Cần Thơ	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
101	Sơn Hiếu	Trí	Nam	11/9/1997 Vĩnh Long	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
102	Trịnh Thị Thu	Tư	Nữ	09/02/1987 Cần Thơ	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
103	Phạm Văn	Tuân	Nam	01/9/1985 Cần Thơ	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
104	Lê Thị Hồng	Tươi	Nữ	13/11/1984 Cần Thơ	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
105	Lê Thị Thúy	Vi	Nữ	09/9/1987 Cần Thơ	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
106	Hồ Quang	Vinh	Nam	23/01/1985 Cần Thơ	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
107	Sơn Công	Vinh	Nam	18/6/1993 Vĩnh Long	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
108	Dương Hoàng	Vĩnh	Nam	29/8/1981 Cần Thơ	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
109	Lê Hoàng	Vũ	Nam	08/6/1989 Vĩnh Long	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
110	Nguyễn Hoàng	Chương	Nam	07/3/1973 TP Hồ Chí Minh	Chính sách công
111	Lâm Tuấn	Anh	Nam	07/01/1981 TP Hồ Chí Minh	Tôn giáo học
112	Trương Văn	Tâm	Nam	18/01/1998 Bình Thuận	Tôn giáo học
113	Lê Vũ	Linh	Nam	12/8/1993 An Giang	Tôn giáo học

TT	Họ	Tên	Giới tính	Năm sinh/ Nơi sinh	Ngành đào tạo
114	Nguyễn Văn	Tốt	Nam	12/11/1986 An Giang	Tôn giáo học
115	Văn Thị Mỹ	Châu	Nữ	27/5/1989 Đà Nẵng	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
116	Phạm Thị Hồng	Cúc	Nữ	09/3/1986 Vĩnh Long	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
117	Mai Huỳnh Ngọc	Hiếu	Nữ	02/9/1982 TP Hồ Chí Minh	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
118	Lê Thị Anh	Lương	Nữ	13/01/1999 TP Hồ Chí Minh	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
119	Nguyễn Thế	Nguyên	Nam	13/5/1984 Nghệ An	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
120	Lê Hữu	Nhuận	Nam	08/11/1994 Đồng Nai	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
121	Phan Đức	Phương	Nam	19/8/1985 Nghệ An	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
122	Ngô Tùng	Thịnh	Nam	25/8/1980 Quảng Ngãi	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
123	Lê Thị	Thúy	Nữ	15/7/1983 Quảng Trị	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
124	Nguyễn Thị Phương	Thùy	Nữ	16/9/1984 TP Hồ Chí Minh	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
125	Lê Thị Mỹ	Tiên	Nữ	19/11/1981 Đồng Nai	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
126	Nguyễn Minh	Tiến	Nam	04/11/1982 Đồng Nai	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
127	Trịnh Thị Hiền	Trân	Nữ	14/11/1992 TP Hồ Chí Minh	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
128	Trần Thị Thùy	Trang	Nữ	10/10/1985 Lâm Đồng	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
129	Đào Thị Thu	Tuyền	Nữ	16/8/1986 Đồng Nai	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
130	Vũ Văn	Vân	Nam	06/4/1990 Thanh Hóa	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
131	Cao Ngọc	Xuân	Nữ	19/01/1986 TP Hồ Chí Minh	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước
132	Ngô Hải	Yến	Nữ	10/5/1994 TP Hồ Chí Minh	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước

Danh sách gồm 132 học viên.

**DANH SÁCH NGHIÊN CỨU SINH TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG TIẾN SĨ
ĐỢT 1 NĂM 2026**

*(kèm theo Thông báo số -QĐ/HVCTQG ngày tháng năm 2026
của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh)*

TT	Họ và tên NCS; Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Ngành khoa học của Học vị
1	Nguyễn Quang Hòa (18/04/1973)	Nam	Pháp luật về quyền con người (Đào tạo thí điểm)
2	Đình Văn Dũng (17/05/1981)	Nam	Hồ Chí Minh học 9310204
3	Đỗ Văn Trung (15/07/1978)	Nam	Hồ Chí Minh học 9310204
4	Nguyễn Văn Tồn (14/05/1971)	Nam	Quản lý kinh tế 9310110
5	Nguyễn Thị Hải Bình (01/05/1976)	Nữ	Quản lý kinh tế 9310110
6	Lương Thị Ngọc Hà (31/03/1985)	Nữ	Kinh tế phát triển 9310105
7	Tạ Văn Sang (20/09/1985)	Nam	Hồ Chí Minh học 9310204
8	Quách Thị Hồng Ngân (12/05/1987)	Nữ	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật 9380106
9	Đình Thị Thúy Hải (26/08/1984)	Nữ	Hồ Chí Minh học 9310204
10	Nguyễn Như Quảng (29/06/1989)	Nam	Kinh tế chính trị 9310102
11	Phan Hồng Thịnh (06/03/1976)	Nam	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước 9310202
12	Dương Thị Hậu (01/04/1991)	Nữ	Hồ Chí Minh học 9310204
13	Đoàn Trung Dũng (15/02/1986)	Nam	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước 9310202
14	Nguyễn Kiều Lan Thương (27/09/1975)	Nữ	Văn hóa học 9229040
15	Mai Lâm Sơn (01/11/1974)	Nam	Quản lý kinh tế 9340410
16	Trần Thị Cẩm Tú (24/11/1984)	Nữ	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật 9380106
17	Hoàng Thị Thúy (15/04/1988)	Nữ	Quản lý kinh tế 9340410
18	Nguyễn Đăng Hải (21/02/1978)	Nam	Quản lý kinh tế 9340410
19	Nguyễn Thị Hồng Nhung (21/12/1994)	Nữ	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước 9310202

TT	Họ và tên NCS; Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Ngành khoa học của Học vị
20	Hoàng Thị Kim Liên (12/05/1983)	Nữ	Chủ nghĩa xã hội khoa học 9229008
21	Trương Chánh Đức (28/10/1980)	Nam	Pháp luật về quyền con người (Đào tạo thí điểm)
22	Hà Thái Sơn (09/12/1994)	Nam	Quản lý kinh tế 9340410
23	Nguyễn Thị Thơ (03/12/1990)	Nữ	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước 9310202
24	Phan Hoàng Ngọc Anh (15/08/1984)	Nữ	Xã hội học 9310301
25	Trương Diệu Hải An (16/02/1985)	Nữ	Chủ nghĩa Duy vật biện chứng và Duy vật lịch sử, 9229002
26	Nguyễn Thị Minh Thu (01/11/1984)	Nữ	Văn hóa học 9229040
27	Bùi Văn Như (27/04/1985)	Nam	Hồ Chí Minh học 9310204
28	Phạm Văn Hoà (20/01/1987)	Nam	Hồ Chí Minh học 9310204
29	Nguyễn Xuân Trà (30/11/1975)	Nam	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật 9380106
30	Thân Thị Thu Ngân (10/09/1985)	Nữ	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 9229015
31	Nguyễn Lê Hưng (12/01/1996)	Nam	Quản lý kinh tế 9310110
32	Trần Quang Hưng (29/05/1990)	Nam	Quản lý kinh tế 9340410
33	Phạm Thị Thùy Linh (03/11/1984)	Nữ	Kinh tế chính trị 9310102
34	Nguyễn Đình Huấn (27/07/1982)	Nam	Chủ nghĩa Duy vật biện chứng và Duy vật lịch sử, 9229002
35	Nguyễn Danh Hùng (26/01/1968)	Nam	Kinh tế chính trị 9310102
36	Kiều Thị Yến (03/12/1989)	Nữ	Chính trị học 9310201
37	Phạm Xuân Toàn (25/05/1980)	Nam	Quản lý kinh tế 9340410
38	Lê Huy Hoàng (14/12/1990)	Nam	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật 9380106
39	Nguyễn Văn Phương (29/04/1984)	Nam	Hồ Chí Minh học 9310204
40	Souphaphone Khamsing (16/09/1980)	Nữ	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước 9310202

TT	Họ và tên NCS; Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Ngành khoa học của Học vị
41	Nguyễn Ngọc Cẩn (26/06/1985)	Nam	Hồ Chí Minh học 9310204
42	Lê Trọng Hưng (09/07/1979)	Nam	Chủ nghĩa Duy vật biện chứng và Duy vật lịch sử, 9229002
43	Nguyễn Trọng Tuấn (18/03/1982)	Nam	Xã hội học 9310301
44	Lê Thị Thùy Linh (11/10/1987)	Nữ	Xã hội học 9310301
45	Trương Thị Nhụy (16/08/1977)	Nữ	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 9229015
46	Ngô Thị Hảo (19/11/1984)	Nữ	Hồ Chí Minh học 9310204
47	Nguyễn Thị Phương Hoa (02/06/1984)	Nữ	Kinh tế chính trị 9310102
48	Văn Công Vũ (24/03/1996)	Nam	Kinh tế chính trị 9310102
49	Hoàng Thị Ngân (11/12/1983)	Nữ	Chính trị học 9310201
50	Tạ Văn Soát (20/05/1983)	Nam	Hồ Chí Minh học 9310204
51	Đình Vũ Minh (19/01/1997)	Nam	Quản lý kinh tế 9310110
52	Đỗ Bảo Liêm (26/10/1985)	Nam	Pháp luật về quyền con người (Đào tạo thí điểm)
53	Nguyễn Thị Linh (17/12/1991)	Nữ	Hồ Chí Minh học 9310204
54	Dương Thị Kim Toan (21/11/1985)	Nữ	Chủ nghĩa xã hội khoa học 9229008
55	Đình Thị Chinh (22/06/1980)	Nữ	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 9229015
56	Vũ Thị Thùy (24/07/1986)	Nữ	Hồ Chí Minh học 9310204
57	Trần Thị Lý (01/05/1980)	Nữ	Kinh tế chính trị 9310102
58	Nguyễn Hồng Sâm (15/08/1982)	Nữ	Kinh tế chính trị 9310102
59	Vatsana Douangmalasy (22/03/1985)	Nữ	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 9229015
60	Keosay Manivong (01/11/1983)	Nữ	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước 9310202
61	Tô Quốc Anh (12/11/1987)	Nam	Chính trị học 9310201

TT	Họ và tên NCS; Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Ngành khoa học của Học vị
62	Đinh Thị Hương Giang (01/03/1983)	Nữ	Văn hóa học 9229040
63	Đặng Thị Loan (06/05/1976)	Nữ	Pháp luật về quyền con người (Đào tạo thí điểm)
64	Dương Văn Chăm (10/11/1974)	Nam	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật 9380106

(Danh sách gồm 64 học viên)